

Bản án số: **546/2022/HC-PT**
Ngày 25-7-2022
V/v “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính về quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trí Tuấn;

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Ông Phan Tô Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hành chính phúc thẩm thụ lý số 777/2019/TLPT- HC ngày 31/12/2019, về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2019/HC-ST ngày 13/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 272/2022/QĐPT-HC ngày 27/6/2022 giữa các đương sự:

1. **Người khởi kiện:** Bà **Lê Thị Ng**, sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Hoàng Văn Tr (vắng mặt) và Luật sư Đào Quang H (có mặt) - Công ty Luật TNHH Biểu tượng Việt – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 428, đường Đ, Phường 1, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Người bị kiện:**

2.1 Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

2.2 Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Kim O - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Phước.

Trụ sở: Thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

2.3 Chủ tịch UBND tỉnh B (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đường 6/1, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Thìn B - Chức vụ: Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Hoàng Song S, sinh năm 1958 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Bà Lê Thị Ng.

Cùng địa chỉ: Tổ 6, ấp 1, xã Minh T, huyện H, tỉnh Bình Phước

3.2 Ông Hồ Hữu B, sinh năm 1965 (có đơn xin vắng mặt)

3.2 Bà Đinh Thị H, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

3.4 Anh Hồ Hữu Th, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

3.5 Anh Hồ Hữu L, sinh năm 1991 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp 5, xã Đồng Nơ, huyện H, tỉnh Bình Phước

3.6 Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (có đơn xin vắng mặt)

3.7 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

3.8 Anh Nguyễn Hoàng, sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

3.9 Chị Nguyễn Thị Bình A, sinh năm 1999 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 4, ấp 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Phước

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Thị Ng trình bày:***

Năm 1999, vợ chồng bà Ng, ông S có cho ông Phạm Văn T mượn tiền để trồng cây hồ tiêu, đến năm 2000 vì không trả được nợ nên ông T sang nhượng cho vợ chồng bà Ng một diện tích đất có chiều ngang 7m, chiều dài 70m (đã trừ 20m hành lang bảo vệ đường bộ) thuộc một phần thửa đất số 2, tờ bản đồ 24, tại ấp 1, xã T, huyện Bình Long (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước, trị giá 9.500.000 đồng (21 chỉ vàng) để gán nợ, trên đất có một số cây xà cừ khoảng 4-5 năm tuổi. Việc sang nhượng này có lập giấy viết tay đề ngày 20/10/2000, có chữ ký của ông T và ông S, không có người làm chứng và không có xác nhận của chính quyền địa phương, sơ đồ đất trong giấy sang nhượng được ông T chỉ ranh cho ông S vẽ vào năm 2002.

Năm 2004 vợ chồng bà Ng, ông S và ông T lập hồ sơ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất và đăng ký trước bạ, việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ do ông T thực hiện. Năm 2005, ông S đã được UBND huyện Bình Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số AD 883223 nhưng diện tích đất ông S được cấp GCNQSDĐ này lại bị chồng lên

một phần thửa đất số 3 của ông Phạm Văn X, còn diện tích đất của vợ chồng bà Ng nhận chuyển nhượng của ông T thì đã bị UBND huyện Bình Long cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị H (vợ của ông Phạm Văn T). Ngày 19/8/2009, ông S nộp hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng 100m² sang đất ở. Ngày 31/8/2009, khi phát hiện GCNQSDĐ cấp không đúng hình thể, thiếu diện tích so với thửa đất ông T đã sang nhượng và chỉ đứng tên ông S nên ông S đã làm đơn xin đăng ký biến động gửi UBND huyện Bình Long giải quyết. Ngày 05/10/2009, UBND huyện Bình Long đã ra Quyết định số 2987/QĐ-UBND về việc chuyển mục đích sử dụng 100m² đất sang đất ở và cấp GCNQSDĐ số AH 279886 thay thế cho GCNQSDĐ số AD 883223 ngày 03/11/2005, giảm diện tích đất thêm 17m² đất không có quyết định thu hồi GCNQSDĐ số AD 883223. Ngày 13/01/2011, sau khi phát hiện GCNQSDĐ bị tráo đổi thì ông S đã làm đơn gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh GCNQSDĐ và đã đóng tiền đo đạc, ký hợp đồng số 49/HĐ- VPĐKQSDĐ nhưng đến nay vẫn không có văn bản trả lời.

Ngày 21/01/2013, ông S gửi đơn khiếu nại về việc GCNQSDĐ đã cấp cho ông S là không đúng hình thể, diện tích lô đất đã nhận sang nhượng của ông T. Ngày 22/3/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu vợ chồng bà Ng đến thực địa chỉ ranh mốc đất để xác minh thì phát hiện bà Nguyễn Thị D xây nhà kiên cố trên diện tích đất của mình. Ngay sau khi đối chiếu GCNQSDĐ đã cấp năm 2005 và 2009 đều không thuộc phạm vi thửa đất số 2 cũ của ông T thì vợ chồng bà Ng đã phản ánh nhiều lần nhưng không được giải quyết nên ngày 25/6/2013, ông S ủy quyền cho bà Ng làm đơn khiếu nại gửi UBND huyện đề khiếu nại việc GCNQSDĐ đã cấp cho ông S không đúng vị trí, hình thể và diện tích. Ngày 02/8/2013, theo yêu cầu của Phòng Tài nguyên và Môi trường, bà Ng đến UBND xã T để nhận bàn giao thửa đất theo GCNQSDĐ đã cấp cho ông S năm 2009 nhưng bà Ng không đồng ý nhận vì cho rằng yêu cầu này là trái pháp luật. Ngày 19/6/2014, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 1370/QĐ- UBND với nội dung bác đơn khiếu nại của bà Ng về việc yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ theo đúng vị trí, hình thể và diện tích đất bà Ng, ông S đã sang nhượng của ông T (sau đây viết tắt là Quyết định số 1370/QĐ-UBND). Ngày 01/8/2014, bà Ng tiếp tục làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước và ngày 27/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2288/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 2288/QĐ-UBND) công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Ng về việc thu hồi GCNQSDĐ do UBND huyện Bình Long cấp cho ông S năm 2009, bác nội dung khiếu nại của bà Ng về việc yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ theo đúng vị trí, hình thể và diện tích đất bà Ng, ông S đã sang nhượng của ông T.

Ngày 20/11/2014, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 2227/QĐ-UBND thu hồi GCNQSDĐ số AH 279886 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S (sau đây viết tắt là Quyết định số 2227/QĐ-UBND) để thi hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND nhưng cho rằng Quyết định số 2227/QĐ-UBND được ban hành trái thẩm quyền, thủ tục và nội dung do pháp luật quy định nên bà Ng không giao GCNQSDĐ. Ngày 13/3/2015, Chủ tịch UBND huyện H ban hành Quyết định số 293/QĐ-UBND hủy bỏ GCNQSDĐ số AH

279886 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S (sau đây viết tắt là Quyết định số 293/QĐ-UBND).

Vì vậy bà Lê Thị Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 1370/QĐ-UBND; Quyết định số 2288/QĐ-UBND; Quyết định số 2227/QĐ-UBND; Quyết định số 293/QĐ-UBND;

- Hủy GCNQSDĐ số Y 065198 do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ gia đình ông B ngày 24/11/2003 và GCNQSDĐ số 03609 do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D ngày 05/8/2004;

- Buộc UBND huyện H trả lại đất và cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Song S phần đất ông Phạm Văn Tuấn đã sang nhượng theo đúng vị trí, hình thể, diện tích thể hiện trong giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000. Phần đất này hiện nay có vị trí một phần nằm trên thửa đất của ông Hồ Hữu B và một phần nằm trên thửa đất của bà Nguyễn Thị D.

- Ngày 14/10/2019, bà Ng nộp đơn khởi kiện bổ sung với nội dung đề nghị Tòa án tuyên hành vi hành chính của UBND huyện H không thực hiện việc đo đạc điều chỉnh GCNQSDĐ theo đơn đăng ký biến động về sử dụng đất ngày 31/8/2009 và Hợp đồng đo vẽ lập bản đồ địa chính số 49/HĐ-VPĐKQSDĐ ngày 08/4/2011 là trái pháp luật; Buộc UBND huyện H phải bồi thường chi phí thực tế bà Ng bỏ ra trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng (bao gồm: chi phí tàu xe, đi lại, ăn ở, in ấn tài liệu, gửi đơn thư, ngày công lao động) theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước trình bày:

Thửa đất bà Ng đang khiếu nại có nguồn gốc do ông Hoàng Song S (chồng bà Ng) nhận sang nhượng lại của ông Phạm Văn T (ông T đã được UBND huyện Bình Long cấp GCNQSDĐ số vào sổ 02007QSDĐ/1620/QĐ-UBND ngày 01/10/1999). Năm 2005, ông T làm thủ tục chuyển nhượng 304m² đất cho ông S. Trước đó, vào năm 2002, ông T đã sang nhượng cho ông Cao Văn Hộ (diện tích 780m²), bà Phạm Thị Huệ (diện tích 260m²) và bà Phạm Thị H (diện tích 1.040m²). Phần diện tích đất của ông T sang nhượng cho ông S là phần đất còn lại ở phía Nam thửa đất của ông T sau khi đã sang nhượng cho các hộ vào năm 2002.

Ngày 03/11/2005, UBND huyện Bình Long đã cấp GCNQSDĐ cho ông S đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 24, diện tích 304m² theo GCNQSDĐ số vào sổ H03472. Năm 2009, ông S làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở. Trong quá trình lập hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất cho ông S, khi trích lục hồ sơ địa chính, Văn phòng đăng ký đất đai huyện Bình Long đã xác định lại diện tích theo bản đồ địa chính tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 24 của ông S là 287m². Do có sự chênh lệch diện tích so với GCNQSDĐ cấp năm 2005 cho ông S nên bộ phận tiếp nhận hồ sơ đã hướng dẫn ông S làm đơn xin đăng ký biến động sử dụng đất với nội dung xin điều chỉnh diện tích cho đúng với thực tế gửi Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Bình Long.

Ngày 05/10/2009, UBND huyện Bình Long cấp đổi GCNQSDĐ số vào sổ H09268 tại thửa đất số 170, tờ bản đồ số 24, diện tích 287m² cho ông S. Đồng

thời, cho phép ông S chuyển mục đích sử dụng 100m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở.

Năm 2011, ông S ký hợp đồng đo đạc số 49/HĐ-VPĐKQSDĐ với Văn phòng đăng ký đất đai huyện H để được đo đạc, cắm mốc xác định lại vị trí và diện tích thửa đất của ông. Tuy nhiên vị trí thửa đất mà ông S yêu cầu đo đạc, cắm mốc đã có người khác sang nhượng lại của ông Phạm Văn T và xây nhà trên đất nên không thể tiến hành đo đạc được.

Năm 2013, bà Ng (được ông S ủy quyền) làm đơn khiếu nại việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 170, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại ấp 1, xã T cho ông S không đúng vị trí, hình thể và diện tích, đồng thời yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ cho ông S theo như vị trí và diện tích thể hiện trên giấy sang nhượng viết tay giữa ông T và ông S năm 2000 gửi UBND huyện H xem xét giải quyết. Ngày 19/6/2014, UBND huyện H ban hành Quyết định số 1370/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ng với nội dung: Công nhận một phần đơn khiếu nại ngày 25/6/2013 của bà Ng đối với GCNQSDĐ số AH 279886 cấp ngày 05/10/2009 đứng tên ông S không đúng vị trí, tứ cận, diện tích; lý do: Qua đối chiếu với bản đồ địa chính ghi trên GCNQSDĐ năm 2009 của ông S lớn hơn diện tích trên bản đồ địa chính, vị trí tứ cận của các cạnh hướng Bắc và cạnh hướng Nam chưa đúng

với bản đồ địa chính; Bác nội dung khiếu nại còn lại của bà Ng. Không đồng ý nên bà Ng tiếp tục làm đơn khiếu nại gửi UBND tỉnh. Ngày 27/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Ng với nội dung: “Công nhận nội dung khiếu nại của bà Ng về việc đề nghị thu hồi GCNQSDĐ số vào sổ H09268 do UBND huyện Bình Long cấp ngày 05/10/2009 cho ông S; Bác nội dung khiếu nại của bà Ng về việc cấp lại GCNQSDĐ cho ông S theo như vị trí và diện tích thể hiện trên giấy sang nhượng viết tay giữa ông T và ông S năm 2000. Lý do: Phần diện tích bà Ng đề nghị cấp GCNQSDĐ hiện nay trên đất đã có nhà ở ổn định của bà Nguyễn Thị D (đất bà D đã có GCNQSDĐ).

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung của Quyết định số 2288/QĐ-UBND là đúng quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng thì người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước không đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định.

Người bị kiện là UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H thống nhất trình bày:

Năm 1999, ông Phạm Văn T được UBND huyện Bình Long cấp GCNQSDĐ tại thửa đất số 2, tờ bản đồ 24, xã T diện tích 2.643m². Năm 2002, ông T làm thủ tục tách thửa đất trên thành 05 thửa và chuyển nhượng cho 03 người, gồm:

- Ông Cao Văn H: Thửa đất số 2B, tờ bản đồ số 24, diện tích 780m².

- Bà Phạm Thị H: Thửa đất số 2C, tờ bản đồ số 24, diện tích 260m². Năm 2004, bà Phạm Thị H chuyển nhượng nguyên thửa lại cho bà Lê Thị ý, đến năm 2012, bà K chuyển nhượng lại cho hộ ông Thạch Thanh L.

- Bà Phạm Thị H: Thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.040m². Năm 2003, bà H tách làm 02 thửa chuyển nhượng cho ông Hồ Hữu B và bà Nguyễn Thị D:

+ Ông Hồ Hữu B: Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 24, diện tích 520m².

+ Bà Nguyễn Thị D: Thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 24, diện tích 520m².

Ông Phạm Văn T còn lại 02 thửa: Thửa số 170, 171; tờ bản đồ số 24, đến năm 2005, ông T làm thủ tục chuyển nhượng 02 thửa còn lại cho ông Hoàng Song S và ông Phạm Trung T.

Qua kiểm tra, đối chiếu giữa hồ sơ cấp GCNQSDĐ, bản đồ địa chính và hiện trạng sử dụng đất cho thấy GCNQSDĐ cấp năm 2005 và năm 2009 cho ông S thể hiện vị trí tứ cận thửa đất và diện tích không đúng với bản đồ địa chính chính quy, cụ thể: Diện tích trong GCNQSDĐ cấp năm 2009 của ông S là 287m² trong khi diện tích theo bản đồ địa chính là 281,7m². Vị trí tứ cận giấy chứng nhận cấp năm 2009 của ông S có cạnh hướng Bắc giáp thửa số 3, cạnh hướng Nam giáp thửa số 4, trên bản đồ địa chính có cạnh hướng Bắc giáp thửa số 2D, cạnh hướng Nam giáp thửa 823.

Trên cơ sở kết quả xác minh, kiểm tra, đối chiếu trên, UBND huyện nhận thấy do sơ xuất trong khâu đánh máy, in GCNQSDĐ cấp cho ông S nên thửa đất số 170, tờ bản đồ 24 có vị trí tứ cận và diện tích ghi chưa đúng theo bản đồ địa chính. Do đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 về việc giải quyết khiếu nại của bà Lê Thị Ng nhưng bà Ng không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại nên đã tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh. Ngày 27/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Ng, theo đó Chủ tịch UBND tỉnh thống nhất một phần kết quả giải quyết của UBND huyện H, không thống nhất với yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ cho ông S theo vị trí, diện tích trong giấy sang nhượng viết tay giữa ông T và ông S năm 2000, đồng thời giao Chủ tịch UBND huyện H thu hồi GCNQSDĐ số H09268 cấp ngày 05/10/2009 của ông S.

Vì vậy, Chủ tịch UBND huyện H và UBND huyện H giữ nguyên quan điểm đối với kết quả giải quyết tại Quyết định số 1370/QĐ-UBND, không đồng ý với yêu cầu hủy Quyết định số 1370/QĐ-UBND, Quyết định số 2227/QĐ-UBND, Quyết định số 293/QĐ-UBND.

Đối với yêu cầu hủy GCNQSDĐ số 3057/QĐ-UBND ngày 24/11/2003 của UBND huyện Bình Long cấp cho ông Hồ Hữu B và GCNQSDĐ số 190/QĐ-UBND ngày 06/8/2004 của UBND huyện Bình Long cấp cho bà Nguyễn Thị D thì UBND huyện H không đồng ý, vì trên cơ sở hồ sơ tách thửa, chuyển nhượng năm 2002 của ông Phạm Văn T và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông T với ông S năm 2005 cho thấy thửa đất của ông B và bà D có nguồn gốc từ việc nhận chuyển nhượng với bà Phạm Thị H năm 2003 (bà H nhận chuyển nhượng từ ông T năm 2002), còn phần đất của ông S là nhận chuyển nhượng từ ông T năm 2005. Do đó thửa đất của ông B và bà D đã được cấp GCNQSDĐ là hoàn toàn không liên quan đến ông S.

Đối với yêu cầu buộc UBND huyện trả lại và cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Ng phần đất ông T đã sang nhượng theo đúng vị trí, hình thể, diện tích

thể hiện trong giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000 thì UBND huyện H và Chủ tịch UBND huyện H không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Song S trình bày: ông S hoàn toàn thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Hữu B, bà Đinh Thị H, anh Hồ Hữu Th và anh Hồ Hữu L thống nhất trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 520m² tọa lạc tại ấp 1, thị trấn Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ số Y 065198 ngày 24/11/2003 cho hộ gia đình ông B là do gia đình ông B nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị H năm 2003. Việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa các bên có lập giấy tay, có chữ ký hai bên và người làm chứng, có xác nhận của UBND xã T, có thực hiện việc giao nhận ranh đất đầy đủ và có sự chứng kiến ký xác nhận của các chủ đất liền kề. Thửa đất của gia đình ông B nhận sang nhượng của ông T, bà H có tứ cận: phía Đông giáp HLBV đường sắt; phía Tây giáp QL 13, phía Bắc giáp thửa đất của em bà H (không nhớ rõ họ tên) và phía Nam của thửa đất giáp phần đất còn lại của bà H; đất có chiều ngang là 10m, chiều sâu là 52m; tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì trên đất có một số cây bạch đàn và cây xà cừ và gia đình ông T cũng đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Năm 2003, gia đình ông B đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật để được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất nêu trên. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà H thì gia đình ông B không canh tác gì trên đất vì chưa có nhu cầu sử dụng đất nhưng vẫn quản lý đất và trong quá trình quản lý đất cũng không có ai tranh chấp quyền sử dụng đất với gia đình ông, từ tháng 3/2019 đến nay gia đình ông B đã cho người khác thuê mặt bằng để làm quán bán nước giải khát.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số Y 065198 do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ gia đình ông B ngày 24/11/2003 thì ông B, bà Hội, anh Thái và anh Lưu không đồng ý và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Ng vì việc UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông B đối với diện tích 520m² nêu trên là hoàn toàn đúng quy định pháp luật.

Do bận công việc và sức khỏe không đảm bảo nên ông B, bà Hội, anh Thái và anh Lưu đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và các phiên tòa xét xử đối với vụ án; ông B, bà Hội, anh Thái và anh Lưu cam đoan không thắc mắc hay khiếu nại gì về sự vắng mặt của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Hoàng và chị Nguyễn Thị Bình A thống nhất trình bày:

Diện tích đất hiện nay gia đình bà D đang quản lý, sử dụng tọa lạc tại tổ 4, ấp 1, thị trấn Tân Khai, huyện H, tỉnh Bình Phước có nguồn gốc do bà D nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị H năm 2004, việc chuyển nhượng được lập hợp đồng theo đúng quy định, các bên có ra thực địa chỉ và nhận ranh đất, diện tích đất bà D nhận chuyển nhượng có tứ cận: phía Tây giáp QL 13, phía Đông giáp hành lang đường sắt, phía Bắc giáp đất ông Hồ Hữu B và phía Nam giáp

phần đất của ông Phạm Văn T, trên đất có một số cây xà cừ và cây bạch đàn. Tại thời điểm chuyển nhượng cho bà D thì bà H đã được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này, sau khi nhận đất bà D đã thực hiện thủ tục sang tên GCNQSDĐ theo quy định và đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ với diện tích 520m² vào năm 2004. Đầu năm 2005 bà D xây dựng nhà tạm trên đất để ở, đến năm 2012 thì được cấp giấy phép xây dựng nhà kiên cố trên đất. Trong quá trình gia đình bà D quản lý, sử dụng đất thì không xảy ra tranh chấp với ai và gia đình bà D đang quản lý, sử dụng diện tích đất đúng với diện tích, vị trí đã nhận chuyển nhượng của bà H và đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ. Vì vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy GCNQSDĐ số 03609 mang tên hộ bà Nguyễn Thị D do UBND huyện Bình Long cấp ngày 05/8/2004 thì bà D, ông Hải, anh Hoàng và chị An không đồng ý và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện này của bà Ng.

Do bận công việc và sức khỏe không đảm bảo nên bà D, ông H, anh H và chị A đề nghị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và các phiên tòa xét xử đối với vụ án, bà D, ông H, anh H và chị A cam đoan không thất mắc hay khiếu nại gì.

Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không tiến hành đối thoại được do người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên Tòa án sơ thẩm mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hành chính.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2019/HC-ST ngày 13/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 3; khoản 2 Điều 7, Điều 8, khoản 1 Điều 30, khoản 3, 4 Điều 32; khoản 3 Điều 55, Điều 56, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 157, Điều 173, điểm a, b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Mục 7 phần IV Công văn số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ;

Căn cứ Điều 9, khoản 1 Điều 18, khoản 2 Điều 21, các Điều 27, 28, 29, 31, 36, 37, 38, 39 và Điều 40 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Điều 105, 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 73, 75 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1, 2 Điều 3, Điều 10, 11 Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; khoản Điều 3 Nghị định số 04/2000/NĐ-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai; Điều 49,

Căn cứ khoản 1 Điều 348, Điều 358, 359 Luật Tổ tụng hành chính; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng:

Hủy Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279886, số vào sổ H 09268 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S và Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279886, số vào sổ H 09268 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1370/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2288/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước;

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 065198, số vào sổ 03102 QSDĐ/3057/QĐ-UBH do ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là ủy ban nhân dân huyện H) cấp cho hộ gia đình ông Hồ Hữu B ngày 24/11/2003; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03609 QSDĐ/1790/QĐ-UBH do ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là ủy ban nhân dân huyện H) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D ngày 05/8/2004; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên buộc ủy ban nhân dân huyện H trả lại và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Lê Thị Ng, ông Hoàng Song S theo đúng vị trí, hình thể, diện tích đất thể hiện trong giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000 giữa ông Hoàng Song S và ông Phạm Văn T.

4. Không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của UBND huyện Bình Long (cũ), nay là huyện H không thực hiện việc đo đạc điều chỉnh GCNQSDĐ theo đơn đăng ký biến động về sử dụng đất ngày 31/8/2009 và Hợp đồng đo vẽ lập bản đồ địa chính số 49/HĐ-VPĐKQSDĐ ngày 08/4/2011 là trái pháp luật và yêu cầu UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại; Bà Lê Thị Ng có quyền khởi kiện phần bồi thường thiệt hại thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, bà Lê Thị Ng, ông Hoàng Song S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ng

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người kháng cáo: Bà Lê Thị Ng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bà Ng là luật sư Đào Quang H trình bày: Trong quá trình chuyển nhượng giữa ông T với bà Ng, ông S, quá trình làm thủ tục sai nhưng vẫn ban hành 02 GCNQSD Đất. Quyết định giải quyết khiếu nại cũng xác định có sai sót nhưng vẫn bác khiếu nại của bà Ng là không đúng quy định của pháp luật. bà Ng khiếu nại từ 2013 nhưng đến năm 2014 Ủy ban mới ban hành Quyết định 1370 giải quyết khiếu nại, quyết định này nêu rõ do sơ suất của khâu kỹ thuật đánh máy nên GCN cấp cho ông S ghi vị trí tứ cận chưa đúng, nếu đã sai vị trí tứ cận thì tại sao lại cấp được. Quyết định 2288 kết luận việc cấp GCN cho ông S tại thửa 170 là đúng quy định và bác khiếu nại của bà Ng là mâu thuẫn, không đúng nội dung khiếu nại.

Cả 2 quyết định trên không làm rõ diện tích đất ông T bán cho ông S là bao nhiêu, vị trí tứ cận của đất này. Hồ sơ cấp GCN cho bà H có sai phạm như chưa tách thửa trước khi thực hiện thủ tục chuyển nhượng, ông T bán đất cho bà H nhưng không xác định vị trí tứ cận.

Theo sơ đồ vị trí đất ông T lập năm 2002, thửa đất bán cho bà Ng ông S nằm ở giữa, chồng bà H cũng xác định nội dung này.

Hơn nữa, cán bộ địa chính xã cũng có văn bản xác nhận hồ sơ năm 2004 là do ông ký thay và bị lãnh đạo ép làm thủ tục cấp GCN, ông đã thông tin cho bà Ng về việc ủy ban đã họp nhất 02 thửa đất và cấp cho bà H, trong đó chồng lên 07m ngang phần đất của bà Ng. Từ năm 2013 đã phát sinh tranh chấp đất giữa bà Ng với ông B bà D, bản án sơ thẩm nhận định ông B bà D quản lý sử dụng đất không có tranh chấp là mâu thuẫn, không phù hợp.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện H, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

-Về tố tụng: việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không có vi phạm.

-Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bác yêu cầu khởi kiện của bà Ng là có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Ng, ông S kháng

cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính tuyên xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, nghe đương sự trình bày, tranh luận, quan điểm của luật sư, phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện là bà Lê Thị Ng, ông Hoàng Song S làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được cấp phúc thẩm xem xét theo quy định tại Điều 206 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tòa sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện; thẩm quyền giải quyết; thời hiệu khởi kiện là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32 và khoản 2 Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

Xét kháng cáo của bà Ng và ông S, Hội đồng xét xử thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Các yêu cầu khởi kiện trong đơn khởi kiện:

- Hủy Quyết định số 1370/QĐ-UBND; Quyết định số 2288/QĐ-UBND; Quyết định số 2227/QĐ-UBND; Quyết định số 293/QĐ-UBND;
- Hủy GCNQSDĐ số Y 065198 do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ gia đình ông B ngày 24/11/2003 và GCNQSDĐ số 03609 do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D ngày 05/8/2004;
- Buộc UBND huyện H trả lại đất và cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Song S phần đất ông Phạm Văn T đã sang nhượng theo đúng vị trí, hình thể, diện tích thể hiện trong giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000. Phần đất này hiện nay có vị trí một phần nằm trên thửa đất của ông Hồ Hữu B và một phần nằm trên thửa đất của bà Nguyễn Thị D là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của tại khoản 1, Điều 30 của Luật Tố tụng hành chính. Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279886, số vào sổ H 09268 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S và Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279886, số vào sổ H 09268 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S.

Vấn đề này các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Xét Quyết định giải quyết khiếu nại 1370/ QĐ-UBND ngày 16/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Phước.

[2.2] Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định 1370/QĐ-UBND ngày 16/4/2014 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Phước. đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Khiếu nại: bà Ng có đơn khiếu nại đề ngày 25/6/2013, ngày 01/7/2013 Chủ tịch UBND huyện H đã ban hành Công văn số 804/UBND-TCD giao nhiệm vụ cho Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tiến hành thẩm tra, xác minh làm rõ nội dung khiếu nại. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã tiến hành thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến việc giải quyết khiếu nại. Ngày 30/8/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã có báo cáo kết quả xác minh đơn khiếu nại số 98/BC-PTNMT trình người có thẩm quyền xem xét. Ngày 14/5/2014, Ủy ban đã tổ chức đối thoại với người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung khiếu nại, yêu cầu của người khiếu nại và hướng giải quyết khiếu nại. Trên cơ sở báo cáo kết quả xác minh của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H, kết quả đối thoại và các văn bản pháp luật có liên quan, ngày 19/6/2014 người bị kiện đã ban hành Quyết định số 1370/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại của bà Ng.

Như vậy Ủy ban huyện H ban hành Quyết định 1370/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 27, 29 và 38 Luật Khiếu nại.

[2.3] Thời hạn ban hành: Ngày 25/6/2013 bà Ng nộp đơn khiếu nại về việc cấp GCNQSDĐ cho ông S không đúng vị trí, diện tích, hình thể, đến ngày 19/6/2014, Chủ tịch UBND huyện H mới ban hành Quyết định số 1370/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà Ng là đã quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 28 Luật Khiếu nại.

[2.4] Xét nội dung Quyết định số 1370/QĐ-UBND:

Năm 1999, ông Phạm Văn T được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ diện tích 2.643m², thuộc thửa đất số 2, tờ bản đồ 24, tại ấp 1, xã T.

Trong quá trình sử dụng đất, năm 2002, ông T làm thủ tục tách thửa đất trên thành 5 thửa và chuyển nhượng cho ông Cao Văn Hộ thửa đất số 2B, tờ bản đồ số 24, diện tích 780m²; bà Phạm Thị Huệ thửa đất số 2C, tờ bản đồ số 24, diện tích 260m² và bà Phạm Thị H thửa đất số 2D, tờ bản đồ số 24, diện tích 1.040m². ông Phạm Văn T còn lại 02 thửa đất là thửa số 170, thửa số 171 và cũng đã chuyển nhượng cho ông S và ông Phạm Trung Tâm.

Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ ông T, năm 2004 - 2005 bà Ng, ông S và ông T tiến hành các thủ tục sang tên GCNQSDĐ và theo như bà Ng, ông S xác định thì việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm hồ sơ cũng như nộp các khoản chi phí, lệ phí theo quy định đều do ông T thực hiện. Trên cơ sở xác minh ranh giới, hiện trạng sử dụng đất không có tranh chấp, đủ điều kiện chuyển nhượng (có ông T ký xác nhận), hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đề ngày 02/3/2005 giữa các bên đã được UBND xã T, phòng Nông nghiệp - Địa chính huyện Bình Long xác nhận đủ điều kiện chuyển nhượng và các bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ tài chính nên ngày

03/11/2005, UBND huyện Bình Long (cũ) đã cấp GCNQSDĐ cho ông S với diện tích đất 304m² thuộc thửa đất số 170, tờ bản đồ số 24. Mặc dù bà Ng, ông S cho rằng đây không phải là hợp đồng thỏa thuận việc mua bán đất giữa các bên, đây là hợp đồng giả mạo, toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông S năm 2005 đã bị tráo đổi vì giữa bà Ng, ông S với ông T chỉ lập các giấy tờ gồm: 01 tờ khai lệ phí trước bạ, 01 tờ khai thuế chuyển quyền sử dụng đất, 01 giấy ủy quyền của hộ ông T và 01 giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000. Nhưng bà Ng, ông S không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh, hơn nữa bà Ng, ông S đều thừa nhận việc liên hệ làm thủ tục sang tên GCNQSDĐ đều do ông T thực hiện. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2005 có chữ ký và chữ viết mang tên Hoàng Song S là người nhận chuyển nhượng, nội dung của hợp đồng là ông T chuyển nhượng cho ông S diện tích 304m² đất trồng cây lâu năm.

bà Ng, ông S không thừa nhận chữ ký, chữ viết mang tên ông S trong bản hợp đồng là của ông S nhưng đã xác định chữ ký, chữ viết này nhìn giống với chữ ký, chữ viết của ông S và cũng không yêu cầu Tòa án sơ thẩm trưng cầu giám định.

Năm 2006 ông S nhận được GCNQSDĐ cấp năm 2005 nhưng ông S cũng không có ý kiến gì về nội dung của GCNQSDĐ. Năm 2009, ông S nộp GCNQSDĐ để làm thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đối với 100m² và làm đơn đăng ký biến động điều chỉnh diện tích đất cho đúng với thực tế, được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất xác nhận đủ điều kiện đăng ký biến động và được cấp đổi GCNQSDĐ số AH 279886 ngày 05/10/2009, có ghi nội dung chuyển mục đích sử dụng đất tại trang 4 của GCNQSDĐ. Khi nhận được GCNQSDĐ đã được điều chỉnh thì ông S, bà Ng cũng không kiểm tra lại nội dung và không có ý kiến gì về hình thể, vị trí, diện tích đất được cấp đổi. Đến năm 2011 ông S mới làm đơn yêu cầu đo đạc, điều chỉnh lại GCNQSDĐ theo thực tế chuyển nhượng và năm 2013 thì làm đơn khiếu nại.

Việc UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ cho ông S vào năm 2005, cấp đổi năm 2009 là đúng vị trí đất ông S nhận chuyển nhượng của ông T theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2005, đúng trình tự, thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, khi thể hiện tứ cận diện tích đất trên GCNQSDĐ của ông S thì UBND huyện Bình Long (cũ) đã có sai sót vì thửa đất của ông S nhận chuyển nhượng có cạnh phía Nam giáp thửa số 823, cạnh phía Bắc giáp thửa số 2D nhưng tứ cận ghi trên GCNQSDĐ của ông S lại thể hiện cạnh phía Bắc giáp thửa số 3, cạnh phía Nam giáp thửa số 4. Đồng thời diện tích đất ghi trong GCNQSDĐ cấp năm 2009 cho ông S là 287m² nhưng diện tích đất đúng theo bản đồ địa chính là 281,7m².

Vì vậy, sau khi kiểm tra lại bản đồ địa chính chính quy và hiện trạng thửa đất thì Chủ tịch UBND huyện H đã công nhận một phần khiếu nại của bà Ng, ông S là có căn cứ.

Đối với yêu cầu của bà Ng, ông S về việc cấp lại GCNQSDĐ cho bà Ng, ông S theo đúng vị trí, hình thể, diện tích thể hiện trong giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000 thì thấy rằng:

Ông Phạm Văn Tuấn đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Ng ông S một diện tích đất chiều ngang 07m, dài 70m dài (đã trừ HLLG QL 13) để cản trừ nợ.

Đến ngày 20/10/2000, giữa bà Ng, ông S với ông T đã thỏa thuận lập giấy sang nhượng và ghi cụ thể tứ cận của thửa đất: phía Tây giáp QL 13, phía Đông giáp đường rầy, phía Bắc và phía Nam giáp đất ông T, đất tọa lạc tại ấp 1, xã T (nay là thị trấn Tân Khai) và đất đã có GCNQSDĐ. Tuy nhiên, bà Ng, ông S cũng xác định việc sang nhượng chỉ lập giấy tay, không có sơ đồ đất, không có người làm chứng, không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền, đến năm 2002 ông T mới chỉ ranh đất cho ông S vẽ sơ đồ vị trí đất nhưng cũng không có người làm chứng, sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T thì bà Ng, ông S cũng không quản lý, canh tác, sử dụng đất và hiện nay ông Phạm Văn T đã chết (ông T chết cuối năm 2013) nên không có người đối chứng về việc sang nhượng này. Bên cạnh đó, vị trí đất bà Ng, ông S yêu cầu UBND huyện H cấp lại GCNQSDĐ đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ cho hộ ông B, hộ bà D và hai hộ này đã sử dụng ổn định, hộ bà D cũng đã xây nhà kiên cố trên đất. Vì vậy, bà Ng, ông S yêu cầu UBND huyện H trả lại và cấp GCNQSDĐ cho ông bà theo đúng vị trí, hình thể, diện tích đất trong giấy sang nhượng viết tay đề ngày 20/10/2000 là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Như vậy, Quyết định 1370/QĐ-UBND được ban hành quá thời hạn quy định và tại khoản 2 Điều 2 của quyết định, Chủ tịch UBND huyện H đã giao phòng Tài nguyên và Môi trường điều chỉnh GCNQSDĐ của ông S là không đúng quy định tại Điều 106 Luật Đất đai 2013 nhưng sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại của bà Ng, ông S vì việc Chủ tịch UBND huyện H công nhận một phần nội dung khiếu nại của Ngân, ông S đối với GCNQSDĐ cấp cho ông S năm 2009 và bác nội dung khiếu nại của Ngân, ông S về việc yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ theo nội dung giấy sang nhượng năm 2000 giữa ông T với bà Ng, ông S là đúng, vì vậy, để đảm bảo tính ổn định của quyết định Tòa án cấp sơ thẩm không hủy quyết định này mà đề nghị người bị kiện rút kinh nghiệm trong việc thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước là phù hợp.

[3] Xét Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 2288/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước.

Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và nội dung của quyết định:

[3.1] Về hình thức:

Quyết định số 2288/QĐ-UBND được ban hành theo đúng mẫu được quy định tại Điều 40 Luật Khiếu nại.

[3.2] Thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

- Thẩm quyền ban hành:

Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà Ng đối với Quyết định số 1370/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện H là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại.

- Trình tự, thủ tục ban hành: Ngày 04/8/2014, UBND tỉnh Bình Phước nhận được đơn khiếu nại lần 2 bà Ng đối với Quyết định số 1370/QĐ-UBND. Ngày 08/8/2014, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1710/QĐ-UBND

giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh xác minh nội dung khiếu nại. Ngày 13/8/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 153/QĐ-STN thành lập Tổ thẩm tra, xác minh nội dung khiếu nại của bà Ng. Tổ xác minh đã tiến hành làm việc với người khiếu nại, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H; tiến hành xác minh hiện trạng đất, tổ chức đối thoại giữa các bên và thu thập các tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung khiếu nại. Ngày 26/9/2014, Sở Tài nguyên và Môi trường có báo cáo kết quả xác minh khiếu nại số 125/BC-STNMT và trên cơ sở báo cáo này thì ngày 27/10/2014, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của bà Ng. Như vậy, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định 2288/QĐ-UBND là đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại các Điều 36, 38, 39 Luật Khiếu nại.

[3.3] Thời hiệu, thời hạn ban hành:

- Thời hạn ban hành: Ngày 04/8/2014 nhận được đơn khiếu nại của bà Ng, đến ngày 27/10/2014 Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước ban hành Quyết định số 2288/QĐ-UBND để giải quyết khiếu nại của bà Ng là đã quá thời hạn giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 37 Luật Khiếu nại.

- Thời hiệu ban hành: Ngày 02/7/2014, bà Ng nhận được Quyết định số 1370/QĐ-UBND, ngày 01/8/2014 bà Ng nộp đơn khiếu nại quyết định này đến Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước là còn trong thời hiệu khiếu nại theo quy định tại Điều 9 Luật Khiếu nại nên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước thụ lý và giải quyết khiếu nại lần hai đối với bà Ng là đúng quy định pháp luật.

[3.4] Xét nội dung Quyết định số 2288/QĐ-UBND: Việc UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Song S có một số sai sót nên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đã chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Ng về việc đề nghị thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông S là đúng quy định.

Đối với nội dung khiếu nại của bà Ng về việc yêu cầu cấp lại GCNQSDĐ cho bà Ng, ông S theo đúng nội dung giấy sang nhượng ngày 20/10/2000 giữa ông S với ông T là không có sơ sở nên Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước bác yêu cầu của bà Ng, ông S là đúng quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc tuyên hủy Quyết định số 2288/QĐ-UBND là không có căn cứ để chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: việc ban hành quyết định này của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước đã quá thời hạn quy định và tại Điều 2 của quyết định này có nội dung giao Chủ tịch UBND huyện H thu hồi GCNQSDĐ đã cấp cho ông S vào năm 2009 là chưa phù hợp quy định pháp luật đất đai về thẩm quyền thu hồi GCNQSDĐ nhưng sai sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết khiếu nại của bà Ng, ông S nên không cần thiết phải hủy quyết định và đã đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước rút kinh nghiệm.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc yêu cầu tuyên hủy GCNQSDĐ số Y 065198 do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ gia đình ông B, hủy GCNQSDĐ do UBND huyện Bình Long (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D do cấp chồng lên phần diện tích đất của bà Ng nhận chuyển nhượng của ông T

bà Ng, ông S cho rằng diện tích đất ông T chuyển nhượng cho ông bà vào năm 2000 hiện nay có vị trí thuộc một phần thửa đất của hộ ông B và một phần thửa đất của hộ bà D. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ do Tòa án thực hiện ngày 24/10/2019 theo sự chỉ ranh của bà Ng thì diện tích đất bà Ng nhận chuyển nhượng của ông T hiện nay có vị trí nằm giữa thửa đất của ông Hồ Hữu B và bà Nguyễn Thị D, cụ thể là 0,56m thuộc thửa đất của ông B và 6,44m thuộc thửa đất của bà D và có hiện trạng sử dụng như sau: Đối với 0,56m thuộc thửa đất của ông B thì trên đất có vách nhà tạm và nền đất đã đổ bê tông xi măng nằm trong HLLG QL 13, phần đất còn lại phía sau là đất trống. Đối với 6,44m thuộc thửa đất của bà D thì phần đất thuộc HLLG QL 13 là nhà tạm lợp tôn, nền đất đã đổ bê tông xi măng; tiếp giáp với 0,56m thuộc thửa đất của ông B là bức tường rào kiên cố; phần đất phía sau tính từ mép HLLG QL 13 trở vào bà D đã xây dựng căn nhà cấp IV kiên cố có chiều ngang 4,5m, chiều dài 19m, phần đất còn lại phía sau căn nhà đã được bà D đổ đất xây dựng chuồng trại và trồng chuối.

Diện tích đất hộ bà D, hộ ông B hiện đang quản lý, sử dụng và đã được cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng của bà Phạm Thị H từ năm 2003 và 2004. Tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông B, bà D thì bà H đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ số vào sổ 02808/QSDD/2258/QĐ.UB.H ngày 22/7/2002 với diện tích 1040m², thuộc thửa số 2D, tờ bản đồ số 24; hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà H đã được UBND xã T xác nhận đất không có tranh chấp. Tại biên bản xác minh hiện trạng về việc chuyển quyền sử dụng đất ngày 28/6/2002 thể hiện vị trí đất ông T chuyển nhượng cho bà H có tứ cận: phía Bắc giáp thửa đất số 2C của bà Phạm Thị Huệ, phía Nam giáp thửa đất số 2E của ông Phạm Văn T, phía Đông giáp hành lang đường sắt và phía Tây giáp QL 13, biên bản xác minh này đã được ông Phạm Văn T ký xác nhận. Sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ bà H, hộ ông B và hộ bà D đã thực hiện các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ và hộ ông B đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ số Y 065198, số vào sổ 03102 QSDD/3057/QĐ-UBH ngày 24/11/2003 với diện tích đất 520m², thuộc thửa số 153, tờ bản đồ số 24 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 73, 75 Luật Đất đai năm 1993; khoản 1, 2 Điều 3, Điều 10, 11 Nghị định số 17/1999/ND-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng quyền sử dụng đất; khoản Điều 3 Nghị định số 04/2000/ND-CP ngày 11/02/2000 của Chính phủ về thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai; hộ bà D đã được UBND huyện Bình Long (cũ) cấp GCNQSDĐ số vào sổ 03609 QSDD/1790/QĐ-UBH ngày 05/8/2004 với diện tích đất 520m², thuộc thửa số 2D, tờ bản đồ số 24 theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 49, Điều 127 Luật Đất đai năm 2003 và trong quá trình hộ bà D, hộ ông B quản lý, sử dụng đất cũng không xảy ra tranh chấp về đất đai.

Do vậy, việc bà Ng khởi kiện yêu cầu hủy các GCNQSDĐ đã cấp cho hộ ông B, hộ bà D nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà Ng đối với các yêu cầu khởi kiện bổ sung:

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Ng yêu cầu Buộc UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H và Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phải bồi

thường chi phí thực tế bà Ng bỏ ra trong quá trình khiếu nại, tố cáo, tham gia tố tụng (bao gồm: chi phí tàu xe, đi lại, ăn ở, in ấn tài liệu, gửi đơn thư, ngày công lao động) với tổng số tiền 93.795.000 đồng (chín mươi ba triệu bảy trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tại Điều 8, khoản 3 Điều 55, Điều 56 quy định người khởi kiện được quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, bà Ng bổ sung yêu cầu khởi kiện này sau khi Tòa án sơ thẩm đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, đối thoại và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và việc bổ sung yêu cầu khởi kiện này của bà Ng cũng đã vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu

Nên không xem xét đối với yêu cầu khởi kiện này của bà Ng và tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà Ng để giải quyết bằng vụ án khác theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Luật Tố tụng hành chính là có căn cứ.

[5] Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Ng yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của UBND huyện Bình Long (cũ), nay là huyện H không thực hiện việc đo đạc điều chỉnh GCNQSDĐ theo đơn đăng ký biến động về sử dụng đất ngày 31/8/2009 và Hợp đồng đo vẽ lập bản đồ địa chính số 49/HĐ-VPĐKQSDĐ ngày 08/4/2011 là trái pháp luật:

Ngày 31/8/2009 ông S có đơn đăng ký biến động về sử dụng đất với nội dung xin điều chỉnh diện tích đất cho đúng thực tế. Căn cứ vào đơn của ông S, sau khi thực hiện các thủ tục theo quy định thì UBND huyện Bình Long (cũ) đã cấp đổi GCNQSDĐ số AH 279886 ngày 05/10/2009 cho ông S. Sau đó bà Ng khiếu nại việc cấp đổi GCNQSDĐ do cấp không đúng vị trí, diện tích, hình thể và đã được Chủ tịch UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước giải quyết nhưng không đồng ý nên bà Ng khởi kiện các quyết định giải quyết khiếu nại này và đang được Tòa án thụ lý giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính này của bà Ng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: bà Ng cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ thành lập cho có lệ, thực tế không đo đạc, lập bản vẽ hiện trạng theo đúng nội dung yêu cầu, không dùng kết quả để giải quyết vụ án nên không đồng chịu chi phí thẩm định.

Trong hồ sơ vụ án có các bản vẽ, lược đồ giải thửa cấp đất cho ông Phạm Văn T vào năm 1999, phân chia tách thửa đất của ông T vào năm 2002 thành 5 thửa đất, chuyển nhượng các thửa đất cho ông Cao Văn Hộ, bà Phạm Thị Huệ, bà Phạm Thị H cũng như việc chuyển nhượng của bà Huệ cho bà Kỳ, bà Kỳ cho ông Lành; chuyển nhượng của bà H cho ông B và bà D. Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước, có công chức địa chính thị trấn Tân Khai: Phạm Minh Toàn, đại diện chính quyền địa phương Phạm Minh Toàn và Đỗ Văn Tân – Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước (B1 538, 539). Giấy thanh toán tiền xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000 đồng (bl 540), bao gồm tiền thuê xe: 1.200.000 đồng, tiền ăn sáng, ăn trưa, nước uống cho Hội đồng xem xét thẩm định: 800.000 đồng, bà Ng ký nhận đồng ý với các chi phí trên và nhận lại số tiền dư 3.000.000 đồng.

Những chi phí này là phù hợp, đây cũng là lý do cấp phúc thẩm thấy không xác minh, thẩm định theo đơn yêu cầu của bà Ng.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Ng có liên quan đến nội dung bà Ng yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ của bà Ng không được chấp nhận nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Ng phải chịu toàn bộ số tiền này là đúng quy định.

Từ những phân tích trên, Hội đồng thấy bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Văn Sâm kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh nên bác kháng cáo của bà Ng, ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng Hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ng và ông Hoàng Song S; giữ nguyên bản án sơ thẩm số 23/2019/HC-ST ngày 13/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241; khoản 1 Điều 349; Điều 30; Điều 32; Điều 116; điểm h, Điều 143; điểm a, khoản 2, Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, khoản 2 Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng:

Hủy Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279886, số vào sổ H 09268 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S và Quyết định số 293/QĐ-UBND ngày 13/3/2015 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H về việc hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 279886, số vào sổ H 09268 ngày 05/10/2009 mang tên ông Hoàng Song S.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1370/QĐ-UBND ngày 19/6/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H và Quyết định giải quyết khiếu nại số 2288/QĐ-UBND ngày 27/10/2014 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước;

3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y 065198, số vào sổ 03102

QSĐĐ/3057/QĐ-UBH do ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là ủy ban nhân dân huyện H) cấp cho hộ gia đình ông Hồ Hữu B ngày 24/11/2003; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03609 QSĐĐ/1790/QĐ-UBH do ủy ban nhân dân huyện Bình Long (nay là ủy ban nhân dân huyện H) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị D ngày 05/8/2004; Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên buộc ủy ban nhân dân huyện H trả lại và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng bà Lê Thị Ng, ông Hoàng Song S theo đúng vị trí, hình thể, diện tích đất thể hiện trong giấy sang nhượng đất viết tay ngày 20/10/2000 giữa ông Hoàng Song S và ông Phạm Văn T.

4. Không xem xét yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Ng về việc yêu cầu Tòa án tuyên hành vi hành chính của UBND huyện Bình Long (cũ), nay là huyện H không thực hiện việc đo đạc điều chỉnh GCNQSDĐ theo đơn đăng ký biến động về sử dụng đất ngày 31/8/2009 và Hợp đồng đo vẽ lập bản đồ địa chính số 49/HĐ-VPĐKQSĐĐ ngày 08/4/2011 là trái pháp luật và yêu cầu UBND huyện H, Chủ tịch UBND huyện H, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước bồi thường thiệt hại; Bà Lê Thị Ng có quyền khởi kiện phần bồi thường thiệt hại thành vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Lê Thị Ng phải chịu số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí đã nộp và đã thực hiện xong.

6. Án phí

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Lê Thị Ng không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho bà Ng số tiền 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu số 0i5069 ngày 02/10/2017 (do ông Trương Đăng Xuân nộp thay).

Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện H phải chịu 300.000 đồng

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Lê Thị Ng phải nộp 300.0000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 015270, quyển số: 0306 ngày 16/12/2019 (Do Hoàng Anh Tiến nộp) thành án phí phúc thẩm. Ông Hoàng Song S được miễn nộp.

3. Quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC
- VKSNDCC tại TP HCM.
- TAND tỉnh Bình Phước.
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- Cục THADS tỉnh Bình Phước.
- Các đương sự (12).
- Lưu HSVA (02) VP - LTHS (5),
(ĐHV- 25)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trí Tuấn